

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Lâm nghiệp; Chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường Nông Lâm nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lưu Quang Vinh

2. Ngày tháng năm sinh: 16/9/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Khu tập thể, Trường Đại học Lâm nghiệp, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0912.862.350,

E-mail: vinhlq@vnuf.edu.vn hoặc qvinhfuv@yahoo.com.au

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 06 năm 2004 đến tháng 01 năm 2019: Giảng viên Khoa Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp.

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 09 năm 2022: Trưởng Bộ môn Động vật rừng, Khoa Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp.

Từ tháng 09 năm 2022 đến tháng 10 năm 2023: Giảng viên Khoa Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp. Học giả Chương trình Fulbright (9 tháng) tại Đại học La Sierra, Bang California, Hoa Kỳ.

Từ tháng 10 năm 2023 đến hiện tại: Phó trưởng bộ môn, phụ trách Bộ môn Động vật rừng, Khoa Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng bộ môn, phụ trách bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.33.840.628

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):.....

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 6 năm 2002; số văn bằng: 335486; ngành: Lâm nghiệp, chuyên ngành: Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 08 tháng 01 năm 2010; số văn bằng: 000781; ngành Lâm nghiệp, chuyên ngành: Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 07 tháng 7 năm 2016; số văn bằng :.....; ngành Khoa học tự nhiên; chuyên ngành: Động vật học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Cologne, CHLB Đức.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 18 tháng 02 năm 2021, ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường Nông Lâm nghiệp.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp – Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hệ thống phân loại học bò sát và lưỡng cư
- Sinh thái học, bảo tồn và phát triển du lịch sinh thái

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS, đã được cấp bằng; 01 NCS đã bảo vệ thành công luận án TS, đang chờ cấp bằng; 01 NCS đang hoàn thiện thủ tục bảo vệ luận án cấp Trường và 01 NCS đang hoàn thiện các chuyên đề;

- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 03 cấp cơ sở và 02 cấp bộ và các đề tài/dự án nghiên cứu được tài trợ bởi các quỹ quốc tế như IdeaWild (Hoa Kỳ), Rufford Small Grants Foundation (Anh), Nagao Natural Environment Foundation (Nhật Bản) và The Mohamed bin Zayed Species Conservation Fund.
- Công bố (số lượng) 92 bài báo khoa học, trong đó 51 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05 (02 giáo trình, 01 sách chuyên khảo, 02 sách tham khảo), trong đó 05 thuộc nhà xuất bản quốc gia có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021. Theo QĐ số: 4959/QĐ-BNN-TCCB ngày 21 tháng 12 năm 2021. Sau khi được công nhận chức danh PGS.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Tiêu chuẩn của nhà giáo

Đối chiếu với tiêu chuẩn của một nhà giáo trong môi trường giảng dạy và nghiên cứu, tôi nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của một giảng viên đại học: Không vi phạm đạo đức nhà giáo, luôn trung thực, khách quan trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác; luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và thực hiện vượt số giờ chuẩn giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học theo quy định. Bên cạnh đó tôi không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm.

b) Nhiệm vụ của nhà giáo

Trong quá trình công tác bản thân luôn thực hiện đúng nhiệm vụ của giảng viên theo quy định, tích cực tham gia biên soạn giáo trình, bài giảng, sách tham khảo, chuyên khảo phục vụ cho công tác đào tạo của Trường Đại học Lâm nghiệp nói chung và Khoa Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường nói riêng.

Trong công tác đào tạo: Ứng viên trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; tham gia các hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên, luận văn của học viên cao học và luận án tiến sĩ; tổ chức nhiều buổi sinh hoạt học thuật, hội thảo khoa học chia sẻ kiến

thức, kinh nghiệm nghiên cứu, các kỹ năng giảng dạy và phương pháp nghiên cứu khoa học cho sinh viên, học viên và giảng viên trẻ.

Ngoài ra, nhằm tăng cường trao đổi học thuật và nghiên cứu khoa học, tôi đã hợp tác với các cơ sở giáo dục và nghiên cứu nước ngoài như Đại học Cologne và Vườn thú Cologne (CHLB Đức), Đại học La Sierra (Hoa Kỳ), Đại học Lomé (Ý); các tổ chức phi chính phủ như CCD, WWF, FFI, GFD (Việt Nam) và Turtle Sanctuary and Conservation (Pháp). Tôi còn chủ trì và tham gia các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và tham dự các hội thảo trong và ngoài nước.

Trong công việc chuyên môn cũng như trong sinh hoạt đời thường tôi luôn cư xử đúng mực và nhận được sự tin yêu của đồng nghiệp, sinh viên và học viên.

Với những thành tích đạt được, tôi tự đánh giá bản thân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một giảng viên. Trong thời gian tới, tôi sẽ tiếp tục phấn đấu để đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường nói riêng và của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nói chung.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 15 năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo (2004-2024) (không tính thời gian trợ giảng, đi học tập và bồi dưỡng ở nước ngoài).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		Số lượng ThS/C K2/BS NT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
3 năm học cuối								
1	2021 - 2022	4		1	2,5	345,2	0	345,2/746,2/216
2	2022 - 2023	3		0	0	174,7	115	289,7/382,3/112
3	2023 - 2024	3		1	1	315	30	345/431,8/242

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: CHLB Đức năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:.....; năm cấp:...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
Đã cấp bằng								
1	Saly Sitthivong	x		x		2017-2021	Trường Đại học Lâm nghiệp	Quyết định cấp bằng ngày 21/9/2022 Ngày cấp bằng 10/10/2022
Đã bảo vệ thành công chờ cấp bằng								
2	Hà Văn Nghĩa	x		x		2020-2024	Trường Đại học Lâm nghiệp	Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ vào ngày 21/6/2024
Đang hướng dẫn								
3	Vilay Phimpasone	x		x		2020-2024	Trường Đại học Lâm nghiệp	Đang hoàn thiện thủ tục để bảo vệ luận án cấp Trường
4	Nguyễn Huyền Thương	x		x		2021-2024	Trường Đại học Lâm nghiệp	Đang hoàn thiện các chuyên đề

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS						
1	Quản lý động vật rừng	GT	Nông nghiệp, 2009	03		5-28	Giấy xác nhận sử dụng sách ngày 23 tháng 3 năm 2020
2	Các loài động vật quý hiếm ưu tiên bảo vệ ở Việt Nam	TK	Nông nghiệp, 2016	04		124-163	Giấy xác nhận sử dụng sách ngày 17 tháng 6 năm 2020
II	Sau khi được công nhận PGS						
1	Lưỡng cư và bò sát ở Khu bảo tồn hạt trần quý hiếm Nam Động	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2022	01	x	Biên soạn tất cả các chương	Giấy xác nhận sử dụng sách ngày 02 tháng 12 năm 2023
2	Động vật rừng quý hiếm	GT	Khoa học và Kỹ thuật, 2024	01	x	Biên soạn tất cả các chương	Giấy xác nhận sử dụng sách ngày 06 tháng 6 năm 2024
3	Lưỡng cư và bò sát ở quần thể danh thắng Tràng An, Ninh Bình / Amphibians and Reptiles of Trang An Landscape Complex, Ninh Bình	TK	Khoa học và Kỹ thuật, 2024	01	x	Biên soạn tất cả các chương viết ở tiếng Việt và tiếng Anh	Giấy xác nhận sử dụng sách ngày 06 tháng 6 năm 2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: 1 (1).

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PNC/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1	Đặc điểm sinh học và sinh thái loài Gà tiền mặt vàng (<i>Polyplectron bicalcaratum</i> Linaeus, 1758) phục vụ bảo tồn nguồn gen và phát triển kinh tế địa phương	CN	Đề tài NCKH cấp Bộ	2012 - 2014	06/8/2014 Xếp loại đạt
2	Điều tra thành phần loài bò sát, ếch nhái tại rừng thực nghiệm Núi Luột Trường Đại học Lâm nghiệp	CN	Mã số: LN.QM-2017.12. Đề tài NCKH cấp cơ sở	2017	30/11/2017 Xếp loại xuất sắc
3	Điều tra thành phần loài, phân bố và tình trạng bảo tồn Bò sát, ếch nhái tại Vườn Quốc gia Ba Vì, Hà Nội	CN	Mã số: LN.QM-2018.4. Đề tài NCKH cấp cơ sở	2018	14/12/2018 Xếp loại xuất sắc
4	Đa dạng các loài Bò sát tại Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, tỉnh Điện Biên	CN	Mã số: LN.QM-2019.4. Đề tài NCKH cấp cơ sở	2019	19/12/2019 Xếp loại xuất sắc
II	Sau khi được công nhận PGS				
1	Nghiên cứu khám phá tính đa dạng khu hệ ếch nhái và bò sát ở hệ sinh thái núi đá vôi ít được biết đến của Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình và Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Động, tỉnh Thanh Hóa	CN	Mã số: 106.06-2017.18. Đề tài Nafosted	2017-2020	Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học 28/5/2021 Xếp loại đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS							
	<i>Tạp chí quốc tế</i>							
1	A new <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from Huong Son limestone forest, Hanoi, northern Vietnam	4	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 0,925; Q2)	39	3129: 39-50	2011
2	No end in sight? Further new records of amphibians and reptiles from Phong Nha – Ke Bang National Park, Quang Binh Province, Vietnam	8	x	Biodiversity Journal/ISSN 2039-0394		33	4: 285-300	2013
3	New country records of reptiles from Laos	7	x	Biodiversity Data Journal/ISSN 1314-2836	SCIE (IF: 0)	24	1: e1015: 1-14	2013
4	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from Khammouane Province, Laos	5	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,004; Q2)	22	3760: 54-66	2014
5	A new species of the <i>Gekko japonicus</i> group (Squamata: Gekkonidae) from central Laos	7	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,004; Q2)	11	3895: 73-88	2014
6	New records of amphibians from Thuong Tien Nature Reserve, Hoa Binh Province, Vietnam	7	x	Herpetology Notes/ ISSN 2071-5773	Scopus (IF: 0,471; Q3)	6	7: 51-58	2014
7	First records of <i>Gracixalus supercornutus</i> (Orlov, Ho and Nguyen, 2004) and <i>Rhacophorus maximus</i> Günther, 1858 from Laos	6	x	Herpetology Notes/ ISSN 2071-5773	Scopus (IF: 0,471; Q3)	10	7: 419-423	2014
8	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from the limestone forest of Khammouane Province, central Laos	5	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,127; Q2)	9	4058: 388-402	2015
9	Morphological and molecular review of the <i>Gekko</i> diversity of Laos with descriptions of three new species	5	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,127; Q2)	13	3986: 279-306	2015
10	A new species of karst-dwelling bent-toed <i>gecko</i> (Squamata: Gekkonidae) from Khammouane Province, central Laos	5	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,062; Q3)	13	4079: 87-102	2016
11	<i>Cyrtodactylus rufford</i> , a new cave-dwelling bent-toed gecko (Squamata: Gekkonidae) from Khammouane Province, central Laos	6	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,062; Q3)	9	4067: 185-199	2016

12	Evolution in karst massifs: Cryptic diversity among bent-toed geckos along the Truong Son Range with descriptions of three new species and one new country record from Laos	7	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,062; Q3)	38	4107: 101-140	2016
13	A new species of the <i>Cyrtodactylus irregularis</i> complex (Squamata: Gekkonidae) from Gia Lai Province, Central Highlands of Vietnam	5	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,016; Q3)	20	4362: 385-404	2017
14	First record of <i>Gracixalus quyeti</i> (Amphibia: Anura: Rhacophoridae) from Laos: molecular consistency versus morphological divergence between populations on western and eastern side of the Annamite Range	6		Revue suisse de Zoologie/ 0035-418X	SCIE (IF: 0,81; Q3)	5	124: 47-51	2017
15	A new karst dwelling species of the <i>Gekko japonicus</i> group (Squamata: Gekkonidae) from central Laos	5	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,016; Q3)	14	4263: 179-193	2017
16	A new species of <i>Lycodon</i> Boie, 1826 (Serpentes: Colubridae) from central Laos	6	x	Revue suisse de Zoologie/ ISSN 0035-418X	SCIE (IF: 0,786; Q2)	14	125: 263-276	2018
17	A Record of an Asian House <i>Gecko</i> , <i>Hemidactylus frenatus</i> , from Laos as a Host of the Pentastome, <i>Kiricephalus pattoni</i> , with Comments on the Distribution and Natural History of This Parasite	6		Comparative Parasitology/ ISSN1525-2647	SCIE (IF: 0,519; Q4)	1	85: 189-192	2018
18	Rediscovery of Andrea's keelback, <i>Hebius andreae</i> (Ziegler & Le, 2006): First country record for Laos and phylogenetic placement	7		Revue suisse de Zoologie/ ISSN 0035-418X	SCIE (IF: 0,596; Q3)	8	126 (1): 61-71.	2019
19	A new species of <i>Lycodon</i> Boie, 1826 (Serpentes: Colubridae) from Thanh Hoa Province, Vietnam	5	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,033; Q2)	12	4586 (2): 261-277	2019
20	Hunters' structured questionnaires enhance ecological knowledge and provide circumstantial survival evidence for the world's rarest turtle	6		Aquatic Conservation: Marine and Freshwater Ecosystems/ISSN 1052-7613	SCIE (IF: 2,581; Q1)	14	2019: 1-11	2019
21	A new species of <i>Leptobrachella</i> Smith 1925 (Anura: Megophryidae) from Thanh Hoa Province, Vietnam	5		Raffles bulletin of zoology/ISSN 0217-2445	SCIE (IF: 0,958; Q2)	26	67: 536-556	2019
22	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from Vientiane Province, northern Laos.	6	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,033; Q2)	7	4071 (3): 257-275	2019
23	Longitudinal monitoring of turtle trade through Facebook in Vietnam	6		Herpetological journal/ ISSN 0268-0130	SCIE (IF: 0,667; Q3)	22	29: 48-56	2019
24	Fishers, dams, and the potential survival of the world's rarest turtle, <i>Rafetus swinhoi</i> , in two river basins in northern Vietnam	9		Aquatic Conservation: Marine and Freshwater Ecosystems/ISSN 1052-7613	SCIE (IF: 2,369; Q1)	9	2020: 1-14.	2020

25	A new species of <i>Dixonius</i> (Squamata: Gekkonidae) from the karst forest of Khammouane Province, central Laos	7	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,065; Q2)	6	4759(4): 530-542	2020
26	Farming Characteristics and the Ecology of <i>Palea steindachneri</i> (Trionychidae) in Vietnam	10		Russian Journal of Herpetology/ ISSN 2713-1467	SCIE (IF: 0,631; Q4)	2	27(2): 97-108	2020
27	A new locality of presence for the world's rarest turtle (<i>Rafetus swinhoei</i>) gives new hope for its survival	8		Journal for Nature Conservation/ ISSN 1617-1381	SCIE (IF: 2,787; Q1)	5	55 (2020): 125833 1-4	2020
Tạp chí trong nước								
28	Hiện trạng phát triển du lịch sinh thái của vườn Quốc gia Hoàng Liên, tỉnh Lào Cai	2		Tạp chí Kinh tế sinh thái/ ISSN 1858-2317			29:73-80	2009
29	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài ếch nhái của Khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến, tỉnh Hòa Bình	2		Tạp chí NN& PTNT/ ISSN 1859-4581			3:101-104	2009
30	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài bò sát tại Khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến, tỉnh Hòa Bình	1	x	Tạp chí Kinh tế sinh thái/ ISSN 1858-2317			39:65-70	2011
31	Đặc điểm sinh học và sinh thái loài Gà tiền mặt vàng (<i>Polyplectron bicalcalatum</i> Linaeus, 1758) trong điều kiện nhân nuôi	3		Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			3:58-64	2013
32	Thành phần loài bò sát ở vườn Quốc gia Hoàng Liên, tỉnh Lào Cai	3		Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			11:151-157	2015
33	Thành phần loài bò sát của Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, tỉnh Bắc Kạn	3		Tạp chí NN& PTNT/ ISSN 1859-4581			16:136-140	2015
34	Ghi nhận mới của các loài ếch nhái (Amphibia) ở tỉnh Bắc Kạn	3		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6/ TKHCNQG, Vt 4267/2015/2014			39-44	2015
35	Thành phần loài bò sát, ếch nhái ở Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình	2		Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			4:135-141	2017
36	Ghi nhận mới của các loài bò sát tại Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình	4		Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			20:94-100	2017
37	Cập nhật thành phần loài bò sát và lưỡng cư tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên – Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	1	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			3:113-120	2017
38	Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái xem chim ở vườn Quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định	6		Tạp chí Rừng và Môi trường/ ISSN 1859-1248			86:44-50	2017

39	Discovery of A New Population of <i>Cyrtodactylus soni</i> Le, Nguyen, Le & Ziegler, 2016 from Ha Nam Province	3	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			5:122-126	2018
40	New record of bent-toed gecko (<i>Cyrtodactylus bobrovi</i> Nguyen, Le, Pham, Ngo, Hoang, Pham & Ziegler, 2015) from Cuc Phuong National Park	3	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			2:157-161	2018
41	A new distribution record of <i>Cyrtodactylus soni</i> Le, Nguyen, Le & Ziegler, 2016 (Reptilia: Squamata: Gekkonidae) from Hoa Binh province and threats assessment	2	x	Tạp chí sinh học (Academia journal of biology)/ ISSN 0866-7160			40:90-95	2018
42	New record of <i>Theلودerma annae</i> Nguyen, Pham, Ngo, Nguyen, Ziegler, 2016 (Anura: Rhacophoridae) from Ninh Binh Province	2	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			5:104-110	2018
43	Using maxent to assess the impact of climate change on the distribution of southern yellow – cheked crested gibbon (<i>Nomascus gabriellae</i>)	4		Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			2:131-140	2018
44	Đánh giá tác động của hoạt động du lịch sinh thái tới môi trường tự nhiên và xã hội tại Bản Lác xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	9		Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			1:113 - 122	2018
45	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại vườn Quốc gia Cát Bà.	10		Tạp chí Rừng và Môi Trường/ ISSN 1859-1248			89:48-53	2018
46	Đánh giá tiềm năng du lịch sinh thái tại khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ tỉnh Bắc Kạn.	8	x	Tạp chí Rừng và Môi Trường/ ISSN 1859-1248			87+88:11-16	2018
47	Thực trạng và một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Tam Đảo	9		Tạp chí kinh tế sinh thái/ ISSN 1858-2317			55:25-37	2018
48	Ghi nhận mới các loài lưỡng cư và bò sát tại Vườn quốc gia Cúc Phương, tỉnh Ninh Bình	3		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN 1859-4581			6:138-143	2018
49	Thành phần loài bò sát và lưỡng cư ghi nhận tại Núi Lướt, Trường Đại học Lâm Nghiệp, Hà Nội.	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN 1859-4581			11:141-148	2018
50	Phân bố và hiện trạng quần thể của loài Vượn đen má hung (<i>Nomascus gabriellae</i>) ở khu vực Đông Dương	4		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN 1859-4581			7:150-154	2018

51	New records of skinks (squamata: scincidae) from Nam Dong valuable gymnosperm conservation area, Thanh Hoa Province	3		Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal Of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			8:109-116	2019
52	Thành phần loài, đặc điểm phân bố và tình trạng bảo tồn các loài bò sát (reptilia) tại Khu rừng Di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal Of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			5:117-124	2019
53	New record of the green rat snake <i>Ptyas nigromarginata</i> (blyth, 1854) (squamata: colubridae) from Son La Province, Vietnam	3	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			8:134-137	2019
54	Ghi nhận mới và cập nhật thành phần loài bò sát tại Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình	5	x	Báo cáo khoa học hội thảo quốc gia về lưỡng cư và bò sát ở Việt Nam lần thứ 4/ISBN 978-604-931-853-9			88-97	2019
55	Ghi nhận mới các loàiẾch cây (Aphibia: Anura: Rhacophoridae) ở Khu bảo tồn các loài hạt trần, quý hiếm, Nam Động, tỉnh Thanh Hóa.	4	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN 1859-3829			1:186-191	2020
II	Sau khi được công nhận PGS							
	Tạp chí quốc tế							
56	Two new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from northern Laos, including new finding and expanded diagnosis of <i>C. bansocensis</i>	7		Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,065; Q2)	10	4822(4): 503-530	2020
57	Unexpected high forest turtle diversity in hill forests in northern Vietnam	11		Biodiversity and Conservation/ ISSN 0960-3115	SCIE (IF: 2,955; Q1)	5	29: 4019-4033	2020
58	Ecological characteristics of a recently described, critically endangered gecko species, endemic to Central Highland, Vietnam	9	x	Tropical Zoology/ ISSN 0394-6975	SCIE (IF: 0,679; Q3)	3	33(2): 53-62	2020
59	A new species of <i>Achalinus</i> (Squamata: Xenodermidae) from Trang An Landscape Complex, Ninh Binh Province, Vietnam Thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu	9	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 1,065; Q2)	11	4877(1): 174-184	2020
60	New records and an updated list of reptiles from Ba Vi National Park, Vietnam	5	x	Bonn Zoological Bulletin/ ISSN 2190-7307	Scopus (IF: 1,000; Q2)	7	69 (1): 1-9	2020

61	Phylogenetic partitioning of the third-largest vertebrate genus in the world, <i>Cyrtodactylus</i> Gray, 1827 (Reptilia: Squamata; Gekkonidae) and its relevance to taxonomy and conservation	27		Vertebrate Zoology/ ISSN 1864-5755	SCIE (IF: 2,787; Q1)	75	71: 101-154	2021
62	A new species of <i>Dixonius</i> (Squamata: Gekkonidae) from Vientiane Capital, Laos	7	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 0,959; Q2)	4	4965 (2): 351-362	2021
63	First record of the <i>Cyrtodactylus brevipalmatus</i> group (Squamata: Gekkonidae) from Vietnam with description of a new species Thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu	8	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 0,959; Q2)	8	4969(3): 492-510	2021
64	Ecological notes on the Cát Bà gecko <i>Goniurosaurus catbaensis</i> , a species endemic to the limestone karst islands of northern Vietnam	8		Herpetological Bulletin/ ISSN 1473-0928	Scopus (IF: 0,468; Q3)	1	157: 1-5	2021
65	Female wanted for the world's rarest turtle: prioritizing areas where <i>Rafetus swinhoei</i> may persist in the wild.	9		Oryx/ ISSN 0030-6053	SCIE (IF: 2,32; Q2)	3	56(3): 396 - 403	2021
66	A new cryptic arboreal species of the <i>Cyrtodactylus brevipalmatus</i> group (Squamata: Gekkonidae) from the uplands of western Thailand	9		Vertebrate Zoology/ ISSN 1864-5755	SCIE (IF: 2,787; Q1)	10	71: 723-746	2021
67	Characteristics of a snake community in the hilly forest of Quan son District, northern Vietnam	10		Herpetological Conservation and Biology/ ISSN 2151-0733	SCIE (IF: 1,099; Q2)	2	16(3): 491-505	2021
68	The «Empty Forest Syndrome» and the Herpetofaunal Communities in Laos (South-Eastern Asia)	12		Russian Journal of Herpetology/ ISSN 2713-1467	SCIE (IF: 0,682; Q3)	2	28(6): 333-347	2021
69	A new species of the <i>Gekko japonicus</i> group (Squamata: Gekkonidae) from Khammouane Province, central Laos	8	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 0,959; Q2)	2	5082(6): 553-571	2021
70	How many more species are out there? Current taxonomy substantially underestimates the diversity of bent-toed geckos (Gekkonidae, <i>Cyrtodactylus</i>) in Laos and Vietnam	9		ZooKeys/ ISSN 1313-2989	SCIE (IF: 1,419; Q1)	4	1097: 135-152	2022
71	On the distribution of <i>Gonyosoma prasinum</i> (Blyth, 1854) and <i>Gonyosoma coeruleum</i> Liu, Hou, Ye Htet Lwin, Wang & Rao, 2021, with a note on the status of <i>Gonyosoma gramineum</i> Günther, 1864 (Squamata: Serpentes: Colubridae)	13		Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 0,871; Q2)	1	5154(2): 175-197	2022
72	A new species of the genus <i>Achalinus</i> (Squamata: Xenodermidae) from Son La Province, Vietnam	6	x	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE (IF: 0,871; Q2)	6	5168(3): 375-387	2022

73	New country record of <i>Trimerodytes yapingi</i> (Guo, Zhu & Liu, 2019) (Squamata: Natricidae) from Laos with the first description of a male specimen and expanded diagnosis	6	x	Bonn Zoological Bulletin/ ISSN 2190-7307	Scopus (IF: 0,857; Q3)	1	71(2): 99-103	2022
74	Current and future suitable habitats of a range-restricted species group (<i>Cyrtodactylus chauquangensis</i>) in Vietnam	7	x	Raffles Bulletin of Zoology/ ISSN 0217-2445	SCIE (IF: 1,044; Q2)		71: 224 - 236	2023
75	An assessment of turtle communities in Bach Ma National Park, Vietnam	12		Nature Conservation Research/ ISSN 2500-008X	ESCI (IF: 2,028; Q2)	1	8(2): 72-80	2023
76	Two new species of <i>Dixonius</i> from Vietnam and Laos with a discussion of the taxonomy of <i>Dixonius</i> (Squamata, Gekkonidae) Thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu	8	x	ZooKeys/ ISSN 1313-2989	SCIE (IF: 1,419; Q1)	1	1163: 143-176	2023
77	A preliminary assessment of chelonian diversity in the montane forests of two areas in northern Vietnam	9		Herpetological Bulletin/ ISSN 1473-0928	Scopus (IF: 0,468; Q3)		164, 2023: 7-12	2023
78	A new species of <i>Hemiphyllodactylus</i> (Squamata, Gekkonidae) from Ha Giang Province, Vietnam	10	x	ZooKeys/ ISSN 1313-2989	SCIE (IF: 1,419; Q1)		1167: 353-382	2023
79	Another new species of <i>Dixonius</i> (Squamata, Gekkonidae) from Gia Lai Province in the Central Highlands, Vietnam	5	x	Evolutionary Systematics/ISSN 2535-0730	Scopus (IF: 1,483; Q2)		7(2): 267-284	2023
80	New records and potential distribution of <i>Bufo luchunnicus</i> (Yang & Rao, 2008) in Vietnam	9		Amphibia-Reptilia/ ISSN 0173-5373	SCIE (IF: 1,443; Q2)		45(1): 107-112	2023
81	Changes in suitable habitat for the critically endangered Northern white-cheeked gibbon (<i>Nomascus leucogenys</i>) in the Western Nghe An Biosphere Reserve, Vietnam: Implication for conservation	6		Nature Conservation/ ISSN 2500-008X	ESCI (IF: 2,038; Q2)		51: 167-188.	2023
82	Previously Unrecorded Invasive Species and the Unsatisfying Knowledge of Turtle Communities in Northern Vietnam	11		Conservation, ISSN 2673-7159	ESCI (IF: -; Q-)		3(1): 1-13.	2023
Tạp chí trong nước								
83	Đa dạng các loài Bò sát (Reptilia) vàẾch nhái (Amphibia) tại Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu-Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình	6	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal Of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			5: 92-99	2020
84	New record of the monocled cobra <i>Naja kaouthia</i> Lesson, 1831 (Squamata: Elapidae) from Son La Province, northern Vietnam	3	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			11: 114-117	2021

85	New records of two gecko species (Squamata: Gekkonidae) from Oudomxay province, Laos	6	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			10: 96-104	2020
86	Establishing ecotourism trail and environmental interpretation at the French Period Summer Camping Route in Ba Vi National Park for sustainable development	3	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			12: 43-052	2021
87	Notes on diet composition of five species of the family Scincidae (Reptilia: Squamata) from Nam Dong rare and Precious Gymnosperms Conservation Area, Thanh Hoa Province	2	x	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			12: 92-97	2021
88	Sử dụng phương pháp bẫy phễu trong điều tra bò sát và lưỡng cư: kết quả đặt thử nghiệm tại rừng thực nghiệm núi Luốt Trường Đại học Lâm nghiệp	6	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp (Journal Of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			5: 109-118	2022
89	New records and an updated list of the herpetofauna from Na Hau Nature Reserve, Yen Bai Province, Vietnam	6	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp (Journal Of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			14: 65-075	2022
90	Molecular assessment of pitviper populations (genus trimeresurus) in Laos and Vietnam reveals new country record and overlooked diversity	8		Tạp chí công nghệ sinh học (Vietnam Journal of Biotechnology)/ ISSN 2815-5955	2		20(4): 589-598	2022
91	Research on ecotourism route and environmental interpretation at Vietnam National University of Forestry contribute to biodiversity conservation and sustainable development.	4	x	TNU Journal of Science and Technology (Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên)/ ISSN 1859-2171			227(03): 104-111	2022
92	First record of <i>Opisthotropis durandi</i> Teynié, Lottier, David, Nguyen & Vogel, 2014 (Squamata: Natricidae) from Vietnam	5	x	Academia Journal of Biology/ ISSN 2615-9023			45(2): 1-7	2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS: 12 (58, 59, 60, 62, 63, 69, 72, 73, 74, 76, 78, 79).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TĐTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	Tham gia	Số 1722/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 22 tháng 9 năm 2020	Trường Đại học Lâm nghiệp	Số 1787/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 20 tháng 10 năm 2021	
2	Chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngành Quản lý tài nguyên rừng	Tham gia	Số 1716/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 22 tháng 9 năm 2020	Trường Đại học Lâm nghiệp	Số 1786/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 20 tháng 10 năm 2021	
3	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý tài nguyên rừng	Tham gia	Số 1066/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 23 tháng 5 năm 2022	Trường Đại học Lâm nghiệp	Số 2971/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 26 tháng 12 năm 2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): ..

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

[59] **Vinh Quang Luu**, Thomas Ziegler, Nghia Van Ha, Oanh Van Lo, Tuoi Thi Hoang, Hanh Thi Ngo, Minh Duc Le, Dung Hoang Tran & Truong Quang Nguyen (2020). A new species of *Achalinus* (Squamata: Xenodermidae) from Trang An Landscape Complex, Ninh Binh Province, Vietnam. *Zootaxa*, 4877(1), 174-184. SCIE, IF: 1,065; Q2. <https://doi.org/10.11646/zootaxa.4877.1.8>

[63] Dzung Trung Le, Saly Sitthivong, Tung Thanh Tran, L. Lee Grismer, Truong Quang Nguyen, Minh Duc Le, Thomas Ziegler & **Vinh Quang Luu** (2021). First record of the *Cyrtodactylus brevipalmatus* group (Squamata: Gekkonidae) from Vietnam with description of a new species. *Zootaxa*, 4969(3), 492-510. SCIE; IF: 0,959; Q2. <https://doi.org/10.11646/zootaxa.4969.3.3>

[76] **Vinh Quang Luu**, Thuong Huyen Nguyen, Minh Duc Le, Jesse L. Grismer, Hong Bich Ha, Saly Sitthivong, Tuoi Thi Hoang & L. Lee Grismer (2023). Two new species of *Dixonius* from Vietnam and Laos with a discussion of the taxonomy of *Dixonius* (Squamata, Gekkonidae). ZooKeys, 1163, 143-176. SCIE; IF: 1,419; Q1. doi: 10.3897/zookeys.1163.101230

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách XB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Luu Quang Vinh